TÌM HIỂU VỀ CHẾ ĐỊNH QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

TRẦN QUANG HIẾU*

Trong luật hình sự Việt Nam, hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự, do Tòa án áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm trừng trị và giáo dục, cải tạo họ. Bài viết tìm hiểu về chế định quyết định hình phạt dưới các góc độ làm rõ về khái niệm, ý nghĩa, phân loại và các căn cứ quyết định hình phạt đối với cá nhân phạm tội.

Từ khóa: Hình phạt, biện pháp cưỡng chế, quyết định hình phạt, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình.

Ngày nhận bài: 12/7/2022; Biên tập xong: 25/7/2022; Duyệt đăng: 29/7/2022

In Vietnamese criminal law, punishment is considered as the most severe coercive measure of the state. It is stipulated in the Penal Code and applied by the Court on persons who have committed the crime to punish, educate and rehabilitlate them. This article studies on the decision of punishment from the perspective of concepts, meanings, classifications and grounds for determining punishment for persons who commit the crimes.

Keywords: Punishment, coercive measures, punishment decision, term imprisonment, life imprisonment, death penalty.

1. Khái niệm quyết định hình phạt

Bộ luật Hình sự (BLHS) của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều có quy định cụ thể về quyết định hình phạt. Dưới góc độ luật hình sự, quyết định hình phạt là một chế định thuộc phần chung của ngành luật này, bao gồm một nhóm các quy phạm pháp luật hình sự điều chỉnh hoạt động lựa chọn và xác định một mức, một loại hình phạt cụ thể áp dụng cho người phạm tội được thực hiện bởi Tòa án.

Theo nghĩa hẹp nhất, quyết định hình phạt được hiểu là việc Tòa án lựa chọn một loại hình phạt chính ở một mức độ cụ thể, đồng thời lựa chọn áp dụng hoặc không áp dụng một (hoặc một số) hình phạt bổ sung áp dụng cho người phạm tội đang xét xử. Theo nghĩa rộng hơn, quyết định hình phạt còn bao gồm cả việc lựa chọn áp dụng biện pháp tư pháp, biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện (án treo) và biện pháp miễn hình phạt khi có đủ điều kiện áp dụng. Theo nghĩa rộng nhất, quyết định hình phạt được hiểu là việc lựa chọn áp dụng bởi Tòa án tất cả các chế tài hình sự thuộc thẩm quyền, bao gồm trong đó cả biện pháp miễn trách nhiệm hình sự.

Trong ba cách tiếp cận trên, cách tiếp cận thứ ba là phù hợp hơn cả với thực tiễn hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án. Cần thấy rằng, việc lựa chọn và quyết định loại và mức hình phạt cụ thể áp dụng đối với người phạm tội là nội dung cốt lõi nhất, cơ bản nhất của quyết định hình phạt song không phản ánh được một cách đầy đủ và toàn diện nội hàm khái niệm quyết định hình phạt. Do vậy, có thể hiểu quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam *"là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của Tòa án thông qua việc lựa chọn và quyết định áp dụng loại, mức hình phạt và chế tài hình sự khác đối với cá nhân hoặc pháp nhân thương mại phạm tội"*.

Để có cơ sở phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, các Nhà nước thường đa dạng hóa hình phạt quy định trong BLHS. Nhìn chung, các hình phạt trong hệ thống hình phạt của các quốc gia được chia thành hai nhóm là các hình phạt chính và các hình phạt bổ sung. Các hình phạt chính lại được chia thành hình phạt tước tự do và hình phạt

** Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Luật, Học viện An ninh nhân dân*

không tước tự do, hình phạt thông thường và hình phạt đặc biệt. Các hình phạt được xếp vào nhóm "hình phạt đặc biệt" thường là những hình phạt có mức độ nghiêm khắc đặc biệt như tù chung thân hoặc tử hình. Các hình phạt tước tự do phổ biến trên thế giới là phạt tù, có thể là tù có thời hạn hoặc tù không xác định thời hạn. Khi quy định hình phạt tù có thời hạn và một số hình phạt khác, nhà lập pháp hình sự thường không xác định một mức hình phạt cụ thể mà thiết kế thành các khung hình phạt để Tòa án lựa chọn quyết định phù hợp với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Đối với các hình phạt bổ sung, nhà lập pháp sẽ cân nhắc yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và tình hình thực tế của xã hội mà quy định các loại hình phạt cụ thể như phạt tiền, phạt cấm cư trú ở một địa phương nhất định, phạt cấm hành nghề hoặc làm những công việc nhất định... Bên cạnh đó, BLHS còn ghi nhận chế tài hình sự khác là các biện pháp tư pháp (Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; bắt buộc chữa bệnh), biện pháp miễn chấp hành hình phạt... để áp dụng trong những trường hợp đặc biệt.

Với các quy định như trên, nhà lập pháp đã tạo ra nhiều phương án áp dụng pháp luật khác nhau cho cùng một loại tội phạm mà BLHS quy định, đồng thời trao quyền lựa chọn một phương án cụ thể áp dụng cho một trường hợp phạm tội cụ thể cho Tòa án. Do vậy, thực chất của quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể trong số các hình phạt được BLHS quy định và các chế tài hình sự khác để áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội tương ứng.

2. Đặc điểm của quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt có bản chất là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, do đó có đầy đủ các đặc điểm của hoạt động áp dụng pháp luật nói chung như mang tính quyền lực nhà nước; phải tuân theo những hình thức và thủ tục chặt chẽ do pháp luật quy định; là hoạt động điều chỉnh mang tính cá biệt, cụ thể đối với những quan hệ xã hội nhất định; là hoạt động đòi hỏi tính sáng tạo (trong khuôn khổ pháp luật). Đồng thời, quyết định hình phạt có những đặc điểm riêng về tính chất, chủ thể, nội dung, mục đích và đối tượng áp dụng.

- *Về tính chất*: Khác với các hoạt động áp dụng pháp luật khác, quyết định hình phạt mang tính chất "tư pháp" điển hình. Quyết định hình phạt được xếp trong nhóm hoạt động tư pháp với mục tiêu trực tiếp mà nó hướng đến là bảo vệ pháp luật, bảo đảm công lý, công bằng xã hội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Ngoài ra, tiếp cận từ góc độ chủ thể có thẩm quyền áp dụng, tính chất của quyết định hình phạt không chỉ là tính chất tư pháp mà còn là tính chất nhân dân, tính chất chính trị và tính chất giai cấp điển hình.

- *Về chủ thể quyết định áp dụng*: Chủ thể có thẩm quyền quyết định hình phạt là cơ quan tư pháp nhưng không phải cơ quan tư pháp nào cũng có quyền quyết định hình phạt. Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, Điều 30 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng...". Như vậy có thể thấy, Tòa án là cơ quan tư pháp duy nhất có thẩm quyền quyết định hình phạt thông qua bản án.

Bản án chứa đựng nội dung quyết định hình phạt của Tòa án không phải là quyết định áp dụng pháp luật thông thường. Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định: "Tòa án ra bản án nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Do vậy, cần nhìn nhận tính chất và chủ thể đặc biệt của hoạt động quyết định hình phạt. Nhìn từ bên ngoài, chủ thể quyết định hình phạt là Tòa án song thực chất, Tòa án chỉ là cơ quan tư pháp đại diện, được Nhà nước (và Nhân dân) trao quyền tuyên bố hình phạt và các chế tài hình sự khác áp dụng đối với các chủ thể có hành vi chống đối xã hội, thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của một tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS.

- *Về đối tượng áp dụng*: Hoạt động quyết định hình phạt áp dụng cho các cá nhân và pháp nhân thương mại đã thực hiện hành vi phạm tội. Đây là đối tượng đấu tranh bằng biện pháp pháp luật hình sự của Nhà nước.

Hình phạt và các chế tài pháp lý hình sự khác được áp dụng đối với chủ thể của tội phạm nhằm mục đích không chỉ trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

3. Phân loại quyết định hình phạt

Trong luật hình sự Việt Nam cũng như các quốc gia khác trên thế giới, hình phạt và các chế tài pháp lý hình sự khác luôn mang tính hệ thống. Tùy thuộc vào thực tiễn tình hình xã hội, yêu cầu của cuộc đấu tranh chống tội phạm và chính sách hình sự của lực lượng cầm quyền, các Nhà nước có thể thiết kế một hoặc nhiều hệ thống hình phạt trong pháp luật hình sự. Sự khác nhau về hệ thống hình phạt dẫn đến sự khác nhau trong các quy định liên quan đến quyết định hình phạt. Do vậy, phân loại quyết định hình phạt là yêu cầu cần thiết để giúp cho việc nhận thức các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt được đầy đủ, hệ thống và toàn diện. Với các tiêu chí khác nhau, có thể phân loại quyết định hình phạt thành các hình thức quyết định hình phạt khác nhau như:

- Căn cứ vào đối tượng của quyết định hình phạt, ở Việt Nam, từ năm 2015 đến nay, hoạt động này được chia thành hai hình thức là *quyết định hình phạt đối với cá nhân người phạm tội* và *quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội*. Từ năm 2015 trở về trước, pháp luật hình sự Việt Nam chỉ quy định truy cứu trách nhiệm hình sự với cá nhân có hành vi phạm tội, tuy nhiên việc thay thế BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) bằng BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung việc quy định truy cứu trách nhiệm hình sự với pháp nhân thương mại phạm tội. Đồng nghĩa với việc chế định quyết định hình phạt được bổ sung thêm một hình thức mới đó là quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Việc quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội ngoài việc tuân theo những quy định chung mang tính nguyên tắc về quyết định hình phạt còn phải tuân thủ những quy định riêng tại Chương XI của BLHS hiện hành về những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

- Căn cứ vào đặc điểm nhân thân người phạm tội liên quan đến yếu tố độ tuổi, quyết định hình phạt được chia thành *quyết định hình phạt nói chung* và *quyết định hình phạt đối với người phạm tội dưới 18 tuổi*. Người dưới 18 tuổi phạm tội là đối tượng rất đặc thù. Một mặt, họ là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, phải gánh chịu sự trừng phạt của Nhà nước và pháp luật. Mặt khác, họ là đối tượng cần nhận được sự quan tâm bảo vệ của cả xã hội. Đây là đối tượng được xác định là trẻ em trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người. Theo quy định của Điều 1 Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em: "Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn". Việc quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi ngoài việc tuân theo những nguyên tắc và quy định chung về quyết định hình phạt còn phải tuân thủ các quy định tại Chương XII: Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của BLHS hiện hành. Một ví dụ điển hình cho việc quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi đó là trường hợp của Lê Văn Luyện, với hành vi giết 03 người trong gia đình chủ tiệm vàng Ngọc Bích, mức cao nhất của khung hình phạt mà Luyện phải nhận là hình phạt tử hình. Tuy nhiên, thời điểm Lê Văn Luyện thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên theo quy định tại khoản 1 Điều 101 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì mức cao nhất của hình phạt Tòa án có thể quyết định đối với đối tượng này chỉ là 18 năm tù giam chứ không phải là hình phạt tử hình.

- Căn cứ vào nội dung các chế tài hình sự áp dụng đối với người phạm tội, quyết định hình phạt có thể được chia thành: (1) Quyết định hình phạt chính và hình phạt bổ sung; (2) Quyết định các biện pháp tư pháp hình sự; (3) Quyết định biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện (quyết định áp dụng án treo); (4) Quyết định áp dụng biện pháp miễn hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự.

Trong số các hình thức quyết định hình phạt nêu trên, quyết định hình phạt chính và hình phạt bổ sung, quyết định áp dụng biện

pháp miễn hình phạt được áp dụng đối với cả hai loại chủ thể của tội phạm là người phạm tội và pháp nhân thương mại phạm tội, còn các hình thức quyết định hình phạt còn lại chỉ được áp dụng đối với cá nhân người phạm tội.

4. Ý nghĩa quyết định hình phạt

Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật". Từ quy định của Hiến pháp cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của Tòa án đối với việc xác định tội phạm và trách nhiệm hình sự (hình phạt) đối với người phạm tội. Quyết định hình phạt được xác định là công việc trọng tâm của Tòa án. Ý nghĩa của quyết định hình phạt thể hiện ở một số điểm sau đây:

Thứ nhất, quyết định hình phạt là hoạt động nhằm hiện thực hóa quan hệ pháp luật hình sự giữa Nhà nước và người phạm tội thông qua việc xác định trách nhiệm cụ thể của người phạm tội trước Nhà nước và xã hội. Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu, chủ yếu thể hiện bằng hình phạt. Về nguyên tắc, trách nhiệm hình sự phát sinh từ thời điểm tội phạm xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, tội phạm chỉ là sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật hình sự, là điểm khởi đầu cho hoạt động của vòng quay tố tụng mà chưa trực tiếp đưa hình phạt đến với người phạm tội. Người phạm tội chỉ phải gánh chịu trách nhiệm hình sự (hình phạt) khi có hoạt động áp dụng pháp luật, cụ thể là hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án. Do vậy, quyết định hình phạt là khâu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chu trình triển khai quan hệ pháp luật hình sự. Qua khâu này, người gây ra tội phạm buộc phải gánh chịu sự trừng phạt của Nhà nước, sự lên án của xã hội cho tội phạm mà họ đã gây ra.

Thứ hai, quyết định hình phạt đúng góp phần không chỉ nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội phạm mà còn có ý nghĩa trong việc phòng ngừa tình hình tội phạm. Quan điểm của Nhà nước ta luôn nhấn mạnh và coi trọng công tác phòng ngừa, phòng phải đi trước chống một bước và chống phải phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa. Quyết định hình phạt là một khâu trong quá trình xử lý tội phạm, là hoạt động chống tội phạm mang tính nổi bật. Bên cạnh tác dụng chống tội phạm, hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án còn phải hướng đến việc tác động lên ý thức của người bị áp dụng hình phạt, làm cho họ thấy được hình phạt mà họ phải gánh chịu là hậu quả tất yếu, không tránh được khi phạm tội; hình phạt đó là đúng đắn, nghiêm minh, công bằng. Từ đó, thay đổi nhận thức của người phạm tội, giáo dục họ tích cực cải tạo, tự thay đổi bản thân trở thành người có ích cho xã hội, từ bỏ hẳn con đường phạm tội để sớm quay trở về với cuộc sống bình thường của cộng đồng. Mặt khác, quyết định hình phạt cũng góp phần tác động lên nhận thức của những người khác trong xã hội, cho họ thấy được sự nghiêm minh của pháp luật, củng cố, tạo niềm tin của mọi người vào công lý và những điều tốt đẹp trong xã hội.

5. Căn cứ quyết định hình phạt đối với cá nhân phạm tội

Theo quy định của Điều 50 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với hình phạt tiền, ngoài các căn cứ nêu trên, Tòa án còn phải căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội. Như vậy, có bốn căn cứ quyết định hình phạt sau bao gồm:

Thứ nhất: Căn cứ vào quy định của BLHS

Khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào các quy định của BLHS về hình phạt và các vấn đề có liên quan trong cả phần "Những quy định chung" và phần "Các tội phạm". Cụ thể:

- Phần thứ nhất: "Những quy định chung" cung cấp cho Tòa án các căn cứ để quyết định hình phạt như hệ thống các hình phạt mà Tòa án được lựa chọn để áp dụng cho người phạm tội cũng như điều kiện và phạm vi áp dụng từng loại hình phạt cụ thể. Bên cạnh đó là hệ thống các biện pháp tư pháp cũng như các nội dung khác nhằm xem xét, đánh giá một cách tổng thể để hình phạt mà Tòa án đưa ra cho cá nhân người phạm tội đúng người đúng tội như hệ thống các tình

tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; quyết định hình phạt trong các trường hợp đặc biệt như trường hợp phạm nhiều tội, tái phạm, tái phạm nguy hiểm; hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội có đồng phạm...

- Phần thứ hai: "Các tội phạm" của BLHS, khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định về loại và khung hình phạt của điều luật trong phần thứ hai này tương ứng với hành vi phạm tội để áp dụng cho người thực hiện tội phạm. Về nguyên tắc, Tòa án chỉ có thể lựa chọn một trong các hình phạt và xác định một mức hình phạt cụ thể trong khung hình phạt được quy định trong điều luật nói trên để quyết định áp dụng đối với người phạm tội. Chỉ trong trường hợp thoả mãn các điều kiện để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định của Điều 54 BLHS thì Tòa án mới được quyết định hình phạt dưới khung hoặc chuyển sang áp dụng một hình phạt khác nhẹ hơn. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp này, chế tài quy định trong điều luật cụ thể phần "Các tội phạm" vẫn là cơ sở để xác định loại và mức hình phạt nào là mức hình phạt nhẹ hơn.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án phải dựa vào nhiều căn cứ song quy định của BLHS là căn cứ quan trọng hàng đầu. Đây là căn cứ quan trọng nhất, thể hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa khi quyết định hình phạt. Quyết định hình phạt mà không căn cứ vào các quy định của BLHS sẽ làm cho bản chất của hình phạt thay đổi, mục đích của hình phạt không thực hiện được, dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật; bản án mà Toà án tuyên chẳng những không đúng pháp luật mà còn không được dư luận đồng tình, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng khác.

Thứ hai: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

Theo quy định của luật hình sự Việt Nam, một hành vi chỉ bị coi là tội phạm khi nó gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội. Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cần được xác định trên hai phương diện: Tính chất nguy hiểm cho xã hội và mức độ nguy hiểm cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, để đảm bảo nguyên tắc công bằng, Tòa án phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã xảy ra. Để xác định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần căn cứ vào các tình tiết như: Tính chất và tầm quan trọng của khách thể bị xâm hại; Tính chất và mức độ thực hiện hành vi khách quan của tội phạm; Mức độ hậu quả của tội phạm; Loại lỗi, tính chất và mức độ lỗi; Động cơ phạm tội; Mục đích phạm tội; Nhân thân người phạm tội; Hoàn cảnh chính trị - xã hội tại lúc và nơi tội phạm xảy ra... Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là căn cứ có ảnh hưởng quyết định đến loại và mức hình phạt cần được áp dụng đối với chủ thể. Về cơ bản, có thể khẳng định rằng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội càng cao thì hình phạt cần được áp dụng phải càng nghiêm khắc hơn.

Thứ ba: Căn cứ vào nhân thân người phạm tội

Nhân thân người phạm tội là toàn bộ các đặc điểm về sinh học và xã hội của người phạm tội liên quan đến việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội đó, bao gồm: Tuổi, tình trạng sức khoẻ, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, thành tích, kỷ luật, lịch sử bản thân, hoàn cảnh gia đình... Các đặc điểm nhân thân người phạm tội được phản ánh trong lý lịch bị cáo và các tài liệu khác có liên quan. Trong đó, có những đặc điểm về nhân thân có ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, là người chưa thành niên phạm tội... nhưng cũng có những đặc điểm về nhân thân người phạm tội phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo của họ như có thái độ tự thú hoặc hối cải, lập công chuộc tội hay có thái độ ngoan cố... hoặc những đặc điểm về nhân thân người phạm tội phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của họ như già yếu, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ... Theo quy định của luật hình sự Việt Nam, nhân thân người phạm tội là một trong những căn cứ quan trọng để quyết định hình phạt vì chỉ dựa trên cơ sở căn cứ này, việc quyết định hình phạt mới phù hợp với đặc điểm của từng con người phạm tội cụ thể, đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, phân hóa trách nhiệm hình sự và công bằng đối với họ.

Thứ tư: Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Tội phạm là một hiện tượng xã hội. Tội phạm xảy ra, xâm phạm đến các quan hệ xã hội khác nhau có tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau, nhưng nếu cùng xâm phạm đến một quan hệ xã hội thì mỗi hành vi phạm tội cũng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau. Nếu tính chất và mức độ xâm phạm như nhau thì vẫn có những yếu tố khác nhau như: Nhân thân người phạm tội, không gian, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh lúc phạm tội... Chính do sự khác nhau này mà Nhà nước không thể quy định mức hình phạt cụ thể cho từng hành vi phạm tội mà chỉ quy định khung hình phạt cho một nhóm hành vi giống nhau cơ bản về chất, nhưng khác nhau về lượng. Sự khác nhau về lượng phụ thuộc vào nhiều yếu tố và được Nhà nước quy định thành hai nhóm tình tiết có nội dung ý nghĩa trái ngược nhau.

Nếu các yếu tố nào làm thay đổi mức độ của hành vi phạm tội theo hướng ít nghiêm trọng hơn thì gọi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, còn những yếu tố nào làm thay đổi mức độ của hành vi phạm tội theo hướng nghiêm trọng hơn thì gọi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự trong một vụ án cụ thể và đối với người phạm tội cụ thể chỉ làm cho tội phạm thay đổi mức độ nguy hiểm trong vụ án đó và cũng chỉ làm cho tội phạm thay đổi mức độ nguy hiểm trong phạm vi một cấu thành chứ không làm thay đổi tính chất của tội phạm ấy.

Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

Khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cần lưu ý, với các tình tiết đã được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng. Chẳng hạn như một người đã thực hiện hành vi cố ý tước đoạt trái phép tính mạng người khác vì động cơ đê hèn là trường hợp phạm tội Giết người quy định tại điểm q khoản 1 Điều 123. Tình tiết "vì động cơ đê hèn" trong trường hợp này đã là dấu hiệu định khung hình phạt, nên khi quyết định hình phạt, Tòa án không được áp dụng tình tiết này với tính chất là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nữa.

Ngoài ra, trong trường hợp hình phạt được xem xét áp dụng là hình phạt tiền thì ngoài 04 căn cứ nêu trên, Tòa án còn căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội để đưa ra quyết định. Căn cứ này áp dụng nhằm bảo đảm khả năng thi hành trong thực tế với loại hình phạt là hình phạt tiền.

Tóm lại, trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, định tội danh và quyết định hình phạt là hai nội dung cơ bản, có ý nghĩa quan trọng đối với công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Dựa trên kết quả của việc định tội danh, Tòa án xem xét, đánh giá một cách tổng thể các căn cứ theo quy định của pháp luật để đưa ra quyết định về hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, bảo đảm việc xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

2. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

3. Công ước Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em (UNCRC).

4. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung), Học viện An ninh nhân dân, 2019.

5. Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật, Đại học Luật Hà Nội, 2014.

6. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.